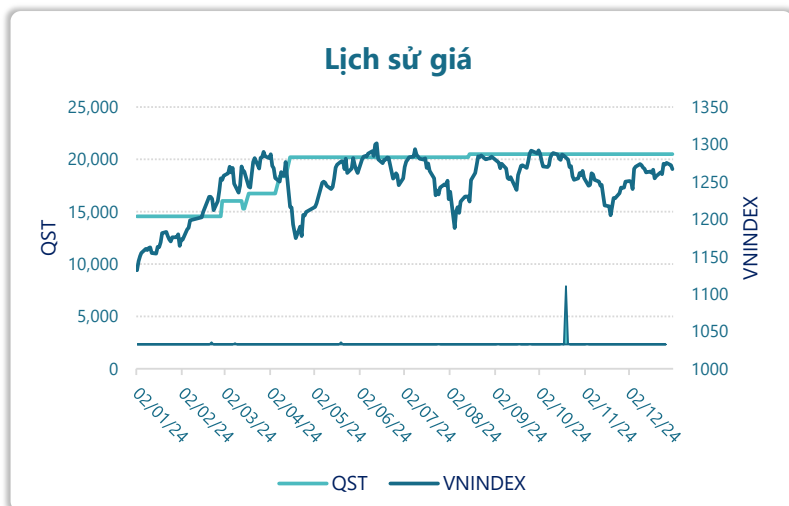


CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,559
SL cổ phiếu LH	3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	66
P/E	6.6
EPS	3,119

DT thuần

Q4/24

52.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.1| -17.4%

YoY: ▲ 6.70| 14.6%

LN sau thuế

Q4/24

8.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.8| 396%

YoY: ▲ 1.54| 23.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.9%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 9.2%

LN sau thuế

2024

10.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.48| 5.0%

ROE

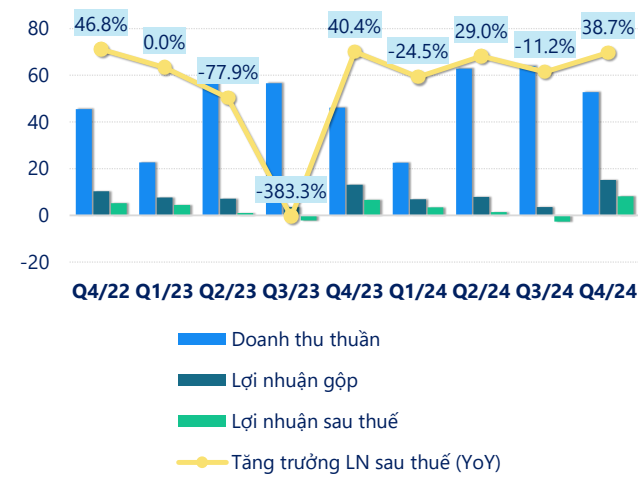
2024

20.9%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

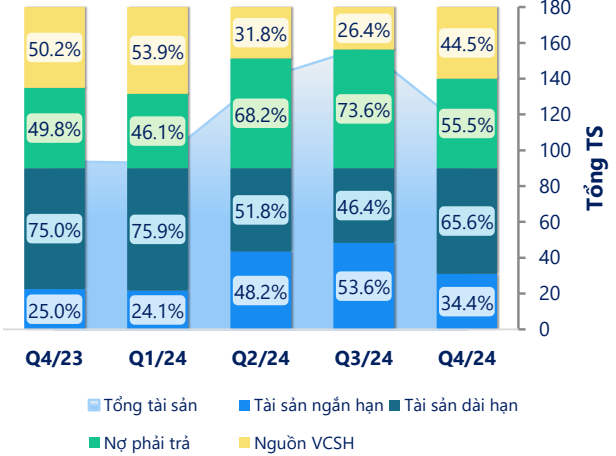
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

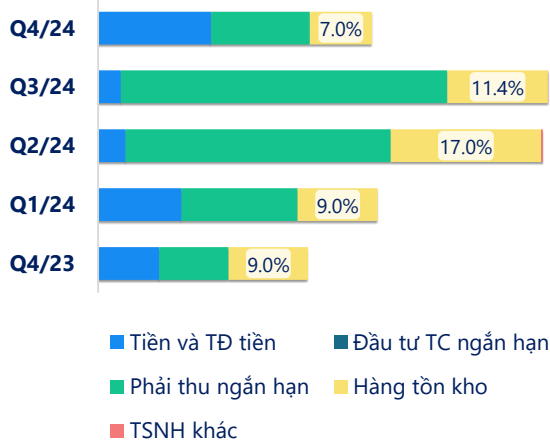
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



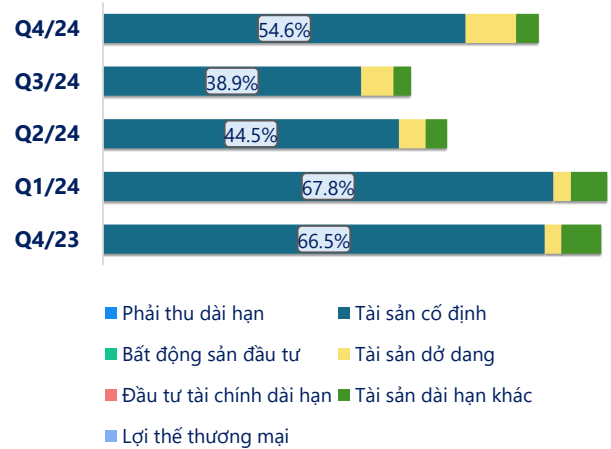
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

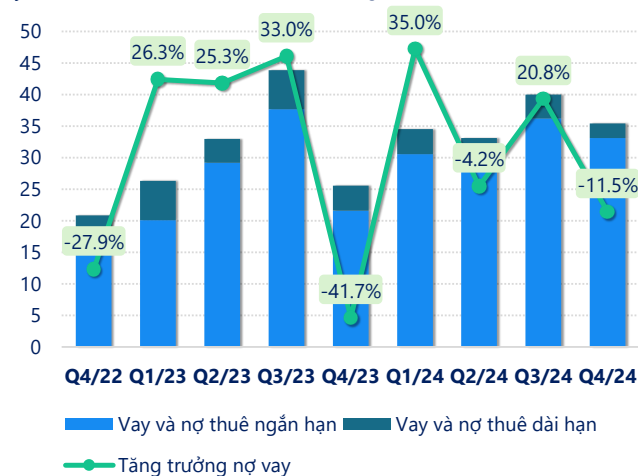
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

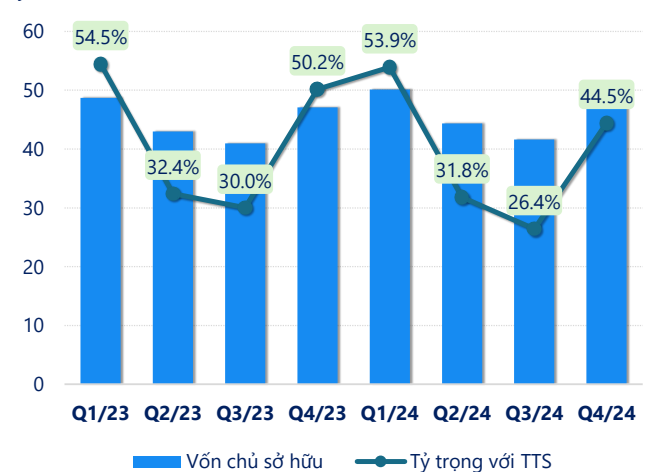
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

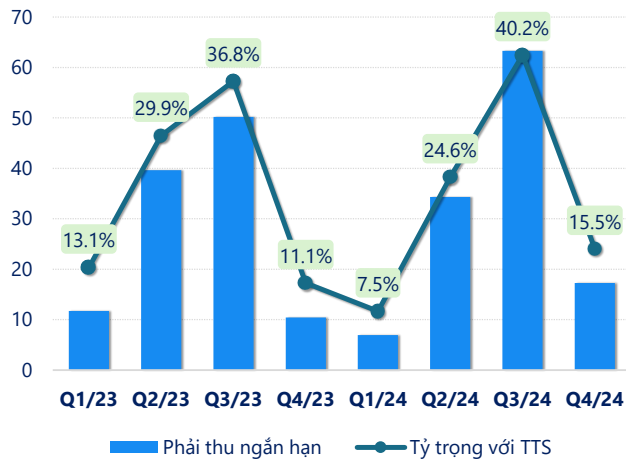
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



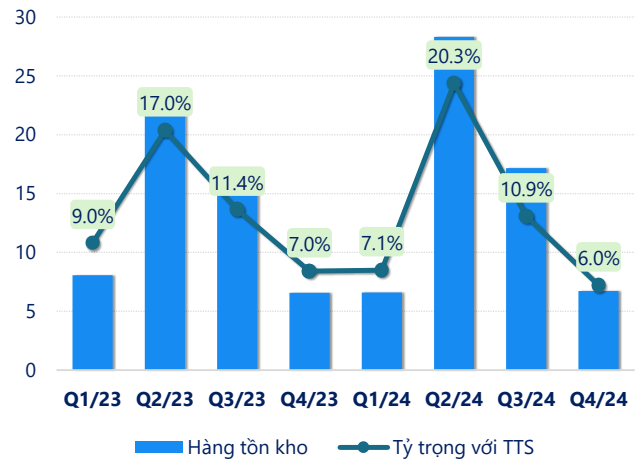
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


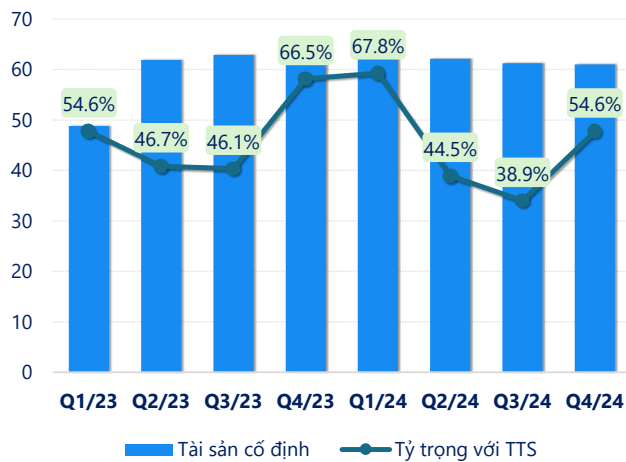
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


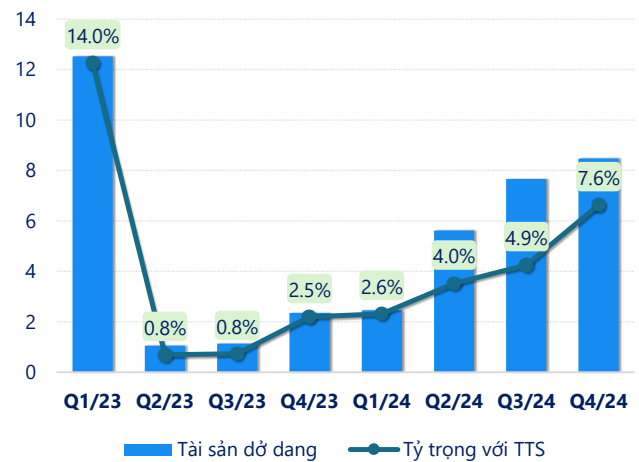
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

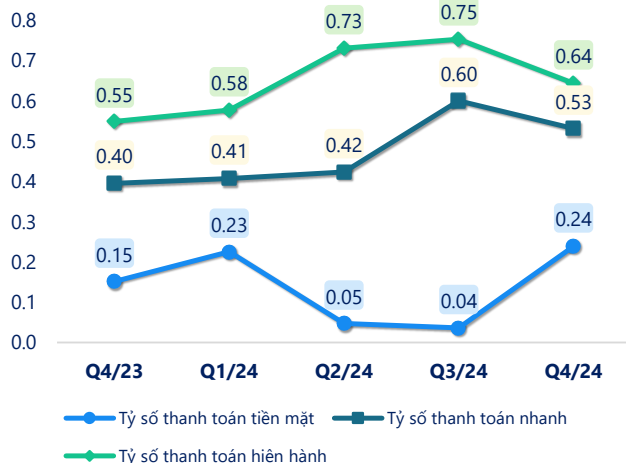
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

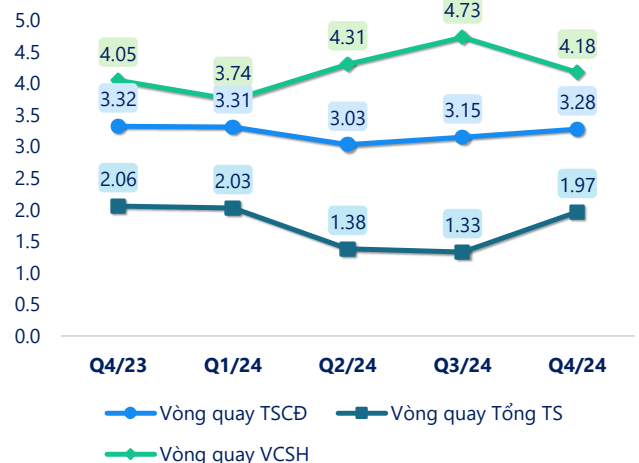
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	93.8	93.0	139	158	112
Tài sản ngắn hạn	23.5	22.4	67.3	84.5	38.5
Tiền và tương đương tiền	6.47	8.77	4.35	4.07	14.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	10.4	6.98	34.3	63.3	17.3
Hàng tồn kho	6.57	6.59	28.3	17.2	6.72
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.09	0.27	0	0.19
Tài sản dài hạn	70.3	70.6	72.2	73.0	73.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	62.4	63.0	62.1	61.2	61.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.35	2.46	5.61	7.66	8.47
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.61	5.08	4.49	4.14	3.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	46.7	42.8	95.1	116	62.1
Nợ ngắn hạn	42.7	38.9	92.0	112	59.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.6	30.6	29.9	36.2	33.1
Phải trả người bán ngắn hạn	5.82	1.23	53.1	62.8	7.57
Nợ dài hạn	3.99	3.99	3.17	3.75	2.30
Vay và nợ thuê dài hạn	3.99	3.99	3.17	3.75	2.30
Nguồn vốn chủ sở hữu	47.1	50.1	44.3	41.6	49.7
Vốn chủ sở hữu	47.1	50.1	44.3	41.6	49.7
Vốn điều lệ	32.4	32.4	32.4	32.4	32.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)